

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 53/ CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM /2021
(TCCS 53:2021/NVL)

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM

Địa chỉ: SỐ 7, ĐƯỜNG 17A, KCN BIÊN HOÀ 2, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

Điện thoại: 02513 -836601

Fax: 02513-836602

E-mail.....

Mã số doanh nghiệp: 3600235305

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 038/2020/ATTP-CNĐK / Ngày cấp: 12/02/2020 /Nơi cấp: Chi Cục An Toàn Vệ Sinh Thực Phẩm – Sở Y Tế Tỉnh Đồng Nai (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Thực phẩm Bổ sung Bánh gạo hữu cơ Gerber Organic vị việt quất táo củ dền**

2. Thành phần: Gạo thơm hữu cơ 72%, Tinh bột sản hữu cơ, Đường hữu cơ, Việt quất hữu cơ 2%, Táo hữu cơ 2%, Củ dền hữu cơ 1%, Vitamin E (tocopherol hỗn hợp).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 Tháng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: sản phẩm đóng trong túi nhựa rồi đựng trong hộp giấy (phù hợp với các quy định an toàn của Bộ Y Tế về bao gói thực phẩm). Khối lượng tịnh: 48 g (12 gói x 4 g)

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Xuất xứ: Thái Lan

Sản xuất bởi NAMCHOW (THAILAND) LTD. 59/4 & 59/8 Moo.10, Petchkasem Rd., Nong-or, Banpong, Ratchaburi 70110, Thái Lan.

Nhập khẩu và tự công bố bởi: Công ty TNHH Nestlé Việt Nam, Số 7, Đường 17A, KCN Biên Hòa 2, phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm (có nhãn đính kèm)



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục số 1.10; 2.9; 4.7; 5.7; 3.4; 6.4)

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục số 2.18; 3.18)

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm (mục số 6.5.2)

2. Thông tư của các Bộ, ngành:

- Quyết định số 38/2008/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của melamine nhiễm chéo trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

TPHCM, ngày 01 tháng 06 năm 2021.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



TANTI ERMAWATI

Giám đốc ngành hàng dinh dưỡng trẻ nhỏ

KT3-03265ATP1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

07/05/2021
Page 01/03

1. Tên mẫu
Name of sample : **THỰC PHẨM BỔ SUNG BÁNH GẠO HỮU CƠ GERBER**
ORGANIC VỊ VIỆT QUẤT TÁO CỦ DÈN
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong bao bì ép kín, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in sealed package, without label.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 28/04/2021
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 29/04/2021 - 07/05/2021
6. Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**
138-142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page* 02 - 03/03

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.



KT3-03265ATP1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

 07/05/2021
 Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>		Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/ Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Hàm lượng chì, <i>Lead content</i>	mg/kg	QTTN/KT3 098:2016 (Ref: AOAC (999.11))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.2. Hàm lượng cadimi, <i>Cadmium content</i>	mg/kg	QTTN/KT3 098:2016 (Ref: AOAC (999.11))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.3. Hàm lượng aflatoxin B ₁ , <i>Aflatoxin B₁ content</i>	μg/kg	TCVN 7596:2007	0,10	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.4. Hàm lượng ochratoxin A, <i>Ochratoxin A content</i>	μg/kg	QTTN/KT3 223:2018 (Ref: AOAC (2000.03))	0,3	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.5. Hàm lượng deoxynivalenol (DON), <i>Deoxynivalenol content</i>	μg/kg	QTTN/KT3 089:2018 (LC/MS/MS)	20	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.6. Hàm lượng zearalenone, <i>Zearalenone content</i>	μg/kg	QTTN/KT3 224:2018 (Ref: TCVN 9591:2013)	5	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.7. Hàm lượng patulin, <i>Patulin content</i>	μg/kg	AOAC 2016 (2000.02)	3,0	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.8. Hàm lượng fumonisin (FB1+FB2), <i>Fumonisin (FB1+FB2) content</i>	μg/kg	QTTN/KT3 161:2017	25	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.9. Hàm lượng melamine, <i>Melamine content</i>	mg/kg	QTTN/KT3 051:2018 (Ref: TCVN 9048:2012)	0,1	Không phát hiện <i>Not detected</i>

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95% confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.



KT3-03265ATP1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

07/05/2021
 Page 03/03

7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/ Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.10. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, <i>Total aerobic plate count</i> CFU/g	ISO 4833-1:2013	-	6,9 x 10 ³
7.11. Coliform, CFU/g	ISO 4832:2006	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>
7.12. <i>Escherichia coli</i> , MPN/g	ISO 16649-3:2015	-	0
7.13. <i>Staphylococcus aureus</i> , CFU/g	AOAC 2016 (975.55)	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>
7.14. <i>Clostridium perfringens</i> , CFU/g	ISO 7937:2004	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>
7.15. <i>Bacillus cereus</i> giả định, <i>Presumptive Bacillus cereus</i> CFU/g	ISO 7932:2004	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>
7.16. Tổng số nấm men và nấm mốc, <i>Total yeasts and moulds</i> CFU/g	ISO 21527-2:2008	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>

Ghi chú/Notes: (*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.



DIELINE_BOX_RICE RUSKS

SUPPLIER:
 PBC NUTRITIONALS INC
 3000 Rene-Levesque Blvd, Suite 330
 Montreal Quebec Canada H3E 1T9
 Tel: 514-768-4122

IMPORTANT:
 Maximum # of colors is 6

